

Số: 11/BC-STNMT

An Giang, ngày 07 tháng 01 năm 2025

BÁO CÁO
Kết quả triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số năm 2024

Căn cứ Công văn số 2323/STTTT-CNTT-BCVT ngày 19 tháng 12 năm 2024 của Sở Thông tin và Truyền thông về việc phối hợp báo cáo kết quả triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số năm 2024;

Căn cứ Kế hoạch số 25/KH-STNMT ngày 10/3/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về chuyển đổi số của Sở Tài nguyên và Môi trường giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Kế hoạch số 27/KH-STNMT ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về Kế hoạch Chuyển đổi số của Sở Tài nguyên và Môi trường năm 2024.

Sở Tài nguyên và Môi trường báo cáo kết quả triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số năm 2024 như sau:

I. Kết quả triển khai chuyển đổi số

1. Nhận thức số

- Trên Trang thông tin điện tử của Sở duy trì chuyên mục “Chuyển đổi số” và Fanpage facebook ngành tài nguyên môi trường đăng các nội dung có liên quan đến Chuyển đổi số. Trong năm đã đăng 20 tin bài và 02 tin video về chuyển đổi số.

- Triển khai các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2024 trên địa bàn tỉnh như: Cán bộ, công chức, viên chức của Sở đã thực hiện định danh điện tử mức 2 cụ thể: Đã cài đặt ứng dụng VNEID trên điện thoại di động, đăng ký định danh điện tử mức 02: Đạt tỷ lệ 100%. Đã cập nhật ứng dụng VNEID phiên bản mới; Khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức ứng dụng thanh toán không dùng tiền mặt khi giao dịch tại các kênh phân phối hàng hóa; đồng thời, thanh toán đối với các hàng hóa, dịch vụ thiết yếu như: Tiền điện, nước; hàng hóa, dịch vụ ăn uống; đóng phí, lệ phí,...; phân công 02 cán bộ tham dự Hội thảo Chuyển đổi số tỉnh An Giang năm 2024 kết hợp triển lãm giải pháp chuyển đổi số, dữ liệu và trí tuệ nhân tạo (AI) và cử 01 viên chức phụ trách công tác an toàn an ninh thông tin tại đơn vị tham dự tập huấn, diễn tập ứng cứu an toàn thông tin, an ninh mạng tỉnh An Giang.

- Tiếp tục tuyên truyền Kế hoạch triển khai nhiệm vụ về Chuyển đổi số tỉnh An Giang và Kế hoạch Chuyển đổi số tại đơn vị năm 2024 đến toàn thể công chức, viên chức và người lao động thuộc Sở.

2. Thể chế số

Sở Tài nguyên và Môi trường đã ban hành và triển khai đến toàn bộ cán bộ, công chức, viên chức thực hiện, gồm:

- Quyết định số 667/QĐ-STNMT ngày 15/9/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thành lập Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang.

- Quyết định số 797/QĐ-STNMT ngày 20/12/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường về ban hành Chương trình công tác năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang.

- Kế hoạch số 25/KH-STNMT ngày 10/3/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về Chuyển đổi số của Sở Tài nguyên và Môi trường giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030.

- Kế hoạch số 27/KH-STNMT ngày 15/3/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về Chuyển đổi số của Sở Tài nguyên và Môi trường năm 2024.

- Kế hoạch số 26/KH-STNMT ngày 15/03/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về thực hiện Đề án 06/CP của Sở Tài nguyên và Môi trường năm 2024.

- Kế hoạch số 31/KH-STNMT ngày 22/03/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về tuyên truyền thực hiện Đề án 06/CP của Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Kế hoạch số 07/KH-STNMT ngày 30/01/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường về cải cách hành chính của Sở Tài nguyên và Môi trường năm 2024.

3. Hạ tầng số:

- Sở Tài nguyên và Môi trường cùng các đơn vị trực thuộc Sở được trang bị hơn 300 máy được kết nối chung mạng cục bộ có trang bị hệ thống Internet cáp quang phục vụ cho kết nối Internet vào trao đổi thông tin. Các chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai và Phòng Tài nguyên và Môi trường tại các huyện, thị, thành phố được trang bị đường truyền số liệu chuyên dùng (MEGAWAN) kết nối trực tiếp đến Sở Tài nguyên và Môi trường được bảo trì hàng năm phục vụ cơ chế một cấp và trao đổi thông tin giữa các đơn vị.

- Hệ thống máy chủ tại Sở với 16 máy chủ với các chức năng khác nhau, được trang bị hệ điều hành Window Server 2012 bản quyền, được đảm bảo tính bảo mật và an toàn thông tin bằng máy chủ trang bị tường lửa Sophos UTM 9 và

tường lửa Fortinet 61E, có quy định cá nhân được phép quản lý, điều hành để cập nhật, sao lưu cơ sở dữ liệu. Ngoài ra, còn có 11 máy tính của các huyện, thị xã, thành phố được đặt trong phòng máy chủ phục vụ cho công tác quản lý cơ sở dữ liệu đất đai một cấp. Hằng năm đều trang bị phần mềm diệt virus Kasperky bản quyền cho hệ thống máy chủ, riêng các đơn vị trực thuộc căn cứ Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin hằng năm sẽ trang bị từ nguồn kinh phí được cấp. Phòng máy chủ được trang bị riêng các thiết bị gồm: Có hệ thống điện áp ổn định, trang bị 03 tủ rack, có hệ thống phòng, chống, cắt lọc sét, 05 thiết bị lưu điện dự phòng, 02 máy lạnh giúp duy trì nhiệt độ phòng ổn định, 01 bình chữa cháy,...

- Sở Tài nguyên và Môi trường đã ban hành và tổ chức triển khai quy chế đảm bảo an toàn thông tin trong toàn ngành (Quyết định 602/QĐ-STNMT ngày 26/6/2023), nhằm đảm bảo tính cập nhật liên tục các giải pháp theo các khuyến cáo về an toàn, an ninh thông tin, đánh giá rủi ro, thường xuyên giám sát các nguy cơ, phát hiện và cảnh báo sớm các thay đổi hay tấn công vào các hệ thống. Kiểm tra, rà soát và khắc phục lỗ hổng, cảnh báo bảo mật theo các văn bản hướng dẫn của Sở Thông tin Truyền thông. Đơn vị đã xây dựng hồ sơ đề xuất cấp độ và được phê duyệt tại Quyết định số 01/QĐ-STTTT về việc phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin đối với Hệ thống thông tin của Sở Tài nguyên và Môi trường theo hướng dẫn tại Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 12/8/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông về Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về đảm bảo an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ và Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 11930:2017.

- Các phần mềm ứng dụng Sở đang sử dụng bao gồm: Phần mềm quản lý thủ tục hành chính 1 cấp, Trang thông tin điện tử, Trang thông tin đất đai và mua bán bất động sản, phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu môi trường, phần mềm quản lý quan trắc môi trường, phần mềm quản lý kho, phần mềm quản lý công việc, phần mềm văn phòng điện tử (ISO), phần mềm quản lý dữ liệu quan trắc tự động.

- Thực hiện Công văn số 504/STTTT-TTCNTTTT ngày 08 tháng 4 năm 2024 của Sở Thông tin và Truyền thông về việc khảo sát hiện trạng hệ thống thông tin phục vụ triển khai chuyển đổi IPv6. Sở Tài nguyên và Môi trường đã cung cấp hiện trạng các hệ thống thông tin, ứng dụng, hạ tầng mạng phục vụ triển khai chuyển đổi IPv6 và tiếp tục phối hợp thực hiện với Sở Thông tin và Truyền thông tại Quyết định số 1048/QĐ-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2024 của UBND tỉnh An Giang về việc Phê duyệt Kế hoạch Chuyển đổi IPv6 cho hệ thống mạng, dịch vụ công nghệ thông tin tỉnh An Giang năm 2024.

4. Dữ liệu số:

4.1. Vận hành Cơ sở dữ liệu đất đai trên phần mềm VBDLIS

- Tiếp tục vận hành Cơ sở dữ liệu đất đai trên phần mềm VBDLIS để kết nối, liên thông trạng thái hồ sơ với Cổng Dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa tỉnh và đồng bộ hồ sơ về Cổng dịch vụ công quốc gia. Kết nối liên thông trao đổi thông tin xác định nghĩa vụ tài chính giữa hệ thống Quản lý trước bạ của Cơ quan Thuế với hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai VBDLIS.

- Tuy nhiên, kể từ ngày 15/06/2024, Liên danh Viettel - Vietbando sẽ chỉ cung cấp dịch vụ vận hành hệ thống VBDLIS 03 ngày/tuần trong khi chờ hoàn thiện các thủ tục để hoàn thành công tác Thuê dịch vụ công nghệ thông tin, phần mềm và hạ tầng kỹ thuật để vận hành hệ thống CSDL đất đai tỉnh An Giang.

4.2. Triển khai, thực hiện Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030:

Thực hiện Kế hoạch số 145/KH-UBND ngày 18/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc triển khai Quyết định 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án Phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh An Giang (Đề án 06/CP) và Chỉ thị số 02/CT-UBND ngày 08/3/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tiếp tục đẩy mạnh triển khai Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến 2030 tại các sở, ngành, địa phương năm 2024 và những năm tiếp theo. Trong năm đã thực hiện:

- Đã tích hợp chia sẻ với Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư trên Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa tỉnh (hiển thị đầy đủ 20/20 trường thông tin cơ bản của công dân phục vụ công tác trong tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính). Tiếp tục duy trì kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư với Cơ sở dữ liệu đất đai.

- Thực hiện số hoá hồ sơ thủ tục hành chính theo Quyết định 403/QĐ-UBND ngày 07/3/2022 của UBND tỉnh về Ban hành kế hoạch triển khai thực hiện Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 sửa đổi Nghị định 61/2018/NĐ-CP về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/04/2020 về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử trên địa bàn tỉnh An Giang. Trong năm, đã thực hiện đã thực hiện số hoá thành phần hồ sơ đầu vào 1063 hồ sơ và trả kết quả bằng điện tử 1071 hồ sơ. Hồ sơ được số hoá đúng theo hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông và Văn phòng UBND tỉnh.

- Hồ sơ nộp trực tuyến và thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia, Sở Tài nguyên và Môi trường đã xây dựng và triển khai Kế hoạch số 45/KH-STNMT ngày 04/5/2024 về việc thực hiện mô hình “Tăng thêm 30 phút vì người dân, doanh nghiệp” năm 2024. Kết quả: Trong kỳ đã tiếp nhận 1071 hồ sơ trực tuyến.

4.3 Thực hiện nhiệm vụ theo dõi, quản lý, hệ thống Camera giám sát khai thác cát sông:

- Đã thực hiện thuê hạ tầng, dịch vụ công nghệ thông tin duy trì hệ thống giám sát cát sông (05/6/2024 đến tháng 12 năm 2024).

- Thuê mở rộng chức năng phần mềm giám sát tọa độ phương tiện khai thác cát sông.

4.4 Đang theo dõi 18 trạm quan trắc. Trong đó: Đã kết nối truyền số liệu về Bộ Tài nguyên và Môi trường được 8/18 trạm. Thường xuyên theo dõi và báo cáo tình trạng của các trạm để các cơ quan, đơn vị phối hợp xử lý.

4.5 Dự án “Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2022-2024”

- Đề cương nhiệm vụ - dự toán đã được Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam thẩm định (văn bản số 767/ĐĐBĐVN-CN ngày 23/5/2024). Đơn vị tư vấn đã hoàn chỉnh.

- Về thời gian thực hiện căn cứ khoản 4 Điều 1 của Quyết định số 40/QĐ-TTg ngày 09 tháng 01 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ (đề án được thực hiện trong thời gian 5 năm từ 2020 đến 2024). Tuy nhiên, đến nay hết thời gian thực hiện.

- Căn cứ Nghị Quyết số 40/NQ-CP ngày 27/3/2023 của Chính Phủ về Phê duyệt Chiến lược phát triển ngành Đo đạc và Bản đồ Việt Nam và xây dựng hạ tầng dữ liệu không gian địa lý quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Trong đó có nội dung Xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia và hệ thống bản đồ địa hình quốc gia đồng bộ. Đề cương có thể căn cứ vào Nghị Quyết số 40/NQ-CP để tiếp tục thực hiện.

5. Nền tảng số

5.1. Ứng dụng CNTT trong nội bộ Sở

a) Phần mềm quản lý văn bản:

- Công chức, viên chức và người lao động sử dụng phần mềm Quản lý văn bản, chỉ đạo điều hành VNPT iOffice. Kết quả: trong năm, Sở đã tiếp nhận 18.318 văn bản và phát hành 5.693 văn bản qua phần mềm trên.

- Ứng dụng chữ ký số trên các văn bản phát hành đi, đảm bảo các văn bản đi đều được ký số điện tử (trừ văn bản mật), từng bước sử dụng văn bản điện tử thay thế văn bản giấy trong quản lý, điều hành.

b) Trang thông tin điện tử: Cung cấp thông tin và công khai đầy đủ theo từng nội dung quy định tại Chương II, Nghị định 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ, công bố 100% các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị, công khai số điện thoại đường dây nóng, địa chỉ, số điện thoại tiếp nhận phản ánh, kiến nghị về thủ tục hành chính, thái độ, giao tiếp, ứng xử của công chức...; cập nhật tin, bài viết trên Cổng thông tin điện tử của Sở, bảo đảm 100% các mặt hoạt động của Sở, thủ tục hành chính, văn bản chỉ đạo điều hành, văn bản quy phạm pháp luật, lịch làm việc.

c) Hệ thống thư điện tử: công chức, viên chức và người lao động được cấp tài khoản hộp thư điện tử công vụ đạt 100%. Lãnh đạo, công chức, viên chức và người lao động trực thuộc Sở sử dụng hộp thư điện tử để trao đổi công việc theo quy định trong quản lý nhà nước.

d) Phần mềm chuyên ngành, quản lý hoạt động nội bộ, các hệ thống phần mềm khác

- Sử dụng phần mềm Quản lý thủ tục hành chính một cấp, phần mềm VBDLIS vận hành, xử lý thủ tục hành chính của ngành và liên thông trạng thái hồ sơ về Cổng dịch công của tỉnh và đồng bộ hồ sơ về Cổng dịch vụ công Quốc gia.

- Sử dụng báo cáo định kỳ (không bao gồm nội dung mật) được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo (LRIS) tỉnh An Giang.

5.2. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp

- Duy trì và phát triển các kênh tương tác với người dân/doanh nghiệp: Trang thông tin điện tử Sở, Trang hỗ trợ doanh nghiệp, trang Fanpage Sở Tài nguyên và Môi trường An Giang, Trang thông tin đất đai và mua bán bất động sản.

- Hoạt động trang thông tin đất đai và mua bán bất động sản đã thu hút sự quan tâm của cá nhân tổ chức về đăng tin mua bán, cho thuê và hỏi thông tin về quy hoạch. Trong năm, số lượng đăng tin là 72 tin.

6. Nhân lực số:

- Sở bố trí 36 công chức, viên chức phụ trách công nghệ thông tin của Sở (trình độ: 01 thạc sĩ, 24 đại học, 05 Cao đẳng, 06 Trung cấp).

- Sở Tài nguyên và Môi trường phân công 07 cán bộ tham dự khóa bồi dưỡng về chuyển đổi số do Bộ TTTT tổ chức trên Nền tảng học trực tuyến mở

đại trà (Nền tảng MOOCs), cử 01 viên chức tham dự khoá đào tạo nâng cao nhận thức về chuyển đổi số (theo Đề án 06), gửi bài tham luận tại Hội nghị tổng kết Chuyển đổi số năm 2023 và sơ kết 02 năm thực hiện Đề án 06/CP trên địa bàn tỉnh và cử 01 viên chức phụ trách công tác an toàn an ninh thông tin tại đơn vị tham dự bồi dưỡng, tập huấn bảo đảm an toàn thông tin tại thành phố Cần Thơ và diễn tập thực chiến tại Sở Thông tin và Truyền thông.

7. An toàn thông tin mạng

- Thực hiện tốt quy chế đảm bảo an toàn thông tin (Quyết định số 602/QĐ-STNMT ngày 26/6/2023) trong nội bộ cơ quan, đơn vị nhằm đảm bảo tính cập nhật liên tục các giải pháp theo các khuyến cáo về an toàn, an ninh thông tin, đánh giá rủi ro, thường xuyên giám sát các nguy cơ, phát hiện và cảnh báo sớm các thay đổi hay tấn công vào các hệ thống. Kiểm tra, rà soát và khắc phục lỗ hổng, cảnh báo bảo mật theo các văn bản hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông.

- Hệ thống thông tin và quá trình vận hành hệ thống tại đơn vị tương ứng với cấp độ 2 (được phê duyệt tại Quyết định số 01/QĐ-STTTT ngày 10/01/2024) phù hợp với quy định tại Thông tư số 12/2022/TT-BTTTT ngày 12/8/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông về Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về đảm bảo an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ và Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 11930:2017.

- Trong năm 2024, Sở Tài nguyên và Môi trường đã ban hành Công văn số 684/STNMT-TTCNTT ngày 07/3/2024 về việc chấn chỉnh, khắc phục những hạn chế trong công tác đảm bảo an toàn, an ninh mạng và bảo vệ bí mật nhà nước trên không gian mạng và Công văn số 124/TTCNTT-HCTH&CN ngày 09/5/2024 của Trung tâm Công nghệ thông tin Tài nguyên và Môi trường về việc trang bị phần mềm antivirus có bản quyền.

8. Chính quyền số

(Phụ lục 01 kèm theo)

9. Kinh phí thực hiện

Không có

10. Đánh giá kết quả thực hiện chuyển đổi số năm 2024

(Phụ lục 02 kèm theo)

II. Khó khăn, vướng mắc, đề xuất, kiến nghị

1. Khó khăn, vướng mắc

- Về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông

+ Tỷ lệ người dân tự thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ một phần, toàn trình chưa cao. Nguyên nhân do người dân, doanh nghiệp còn hạn chế trong việc áp dụng công nghệ thông tin trong gửi hồ sơ điện tử, đồng thời người nộp hồ sơ sử dụng SIM điện thoại chưa chính chủ nên khó khăn trong quá trình đăng ký, đăng nhập để nộp hồ sơ trực tuyến trên hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh.

+ Việc ghi nhận trạng thái tiếp nhận và giải quyết hồ sơ TTHC trên phần mềm chuyên ngành VBDLIS của Sở với Hệ thống thông tin giải quyết cấp bộ, cấp tỉnh và Cổng dịch vụ công quốc gia chưa được đồng bộ. Có những hồ sơ đã xóa trên phần mềm VBDLIS khi nhập sai quy trình hoặc người nộp xin rút hồ sơ nhưng do lỗi liên thông nên không đồng bộ/không xóa được trên Cổng dịch vụ công.

- Về Số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC và cung cấp dịch vụ công trực tuyến

+ Việc tiếp nhận hồ sơ và số hoá hồ sơ thủ tục hành chính lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường thuộc thẩm quyền cấp tỉnh được thực hiện tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, về hạ tầng, đường truyền, trang thiết bị, phần mềm được Trung tâm Phục vụ hành chính công trang bị, cơ bản đáp ứng đầy đủ cho việc tiếp nhận, số hóa và giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính. Tuy nhiên, đối với những tài liệu hồ sơ có định dạng A0 chưa đáp ứng đủ máy scan để số hoá, tài liệu hồ sơ có định dạng A3 phải tự lật bằng tay khi scan nên còn hơi chậm.

+ Tỷ lệ số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính lĩnh vực đất đai còn thấp do Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chưa được thực hiện cấp bản điện tử nên bản scan không có giá trị pháp lý. Đó đó, việc số hoá các kết quả hồ sơ của Sở chưa được đầy đủ, dữ liệu thống kê số hoá giữa Cổng dịch vụ công tỉnh với Cổng dịch vụ công quốc gia đôi lúc chưa được đồng bộ cập nhật kịp thời.

+ Sau khi scan xong, cán bộ thực hiện thao tác đính kèm vào hồ sơ trên môi trường mạng thì phải chờ lâu do mạng chậm ảnh hưởng đến quá trình tiếp nhận hồ sơ trong khi có nhiều người nộp hồ sơ phải đợi đến lượt. Một số hồ sơ có dung lượng lớn (gần 1GB) nên không thể upload lên hệ thống được.

+ Do tính chất mỗi hồ sơ thủ tục hành chính khác nhau nên không tái sử dụng thông tin dữ liệu số hóa lại cho các hồ sơ tiếp theo.

- Về nhiệm vụ đang chờ Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện

+ Việc triển khai thực hiện mô hình điểm của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Đề án 06/CP (Mô hình: “Quản lý thông tin người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở, tài sản gắn liền với đất thông qua Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, VNeID”) chưa được Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn cụ thể việc làm sạch dữ liệu về đất đai.

+ Bên cạnh đó, nhiệm vụ Rà soát toàn bộ các hệ thống bản đồ hành chính quốc gia, thống nhất lựa chọn công nghệ bản đồ số phục vụ cho việc xây dựng,

cập nhật, quản lý dữ liệu địa chỉ số về đất đai và nhà ở, trên cơ sở tận dụng các hạ tầng, dữ liệu đã có vẫn đang chờ Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện.

2. Đề xuất kiến nghị

- Kiến nghị Công Dịch vụ công quốc gia xem xét, bổ sung chức năng thống kê, tổng hợp báo cáo và truy xuất dữ liệu theo các tiêu chí của Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 đối với Bộ Chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp, để phục vụ quá trình theo dõi, quản lý và tham mưu chỉ đạo, báo cáo số, truy xuất dữ liệu khi cần thiết.

- Kiến nghị Văn phòng Chính phủ xem xét, điều chỉnh cách tính tỷ lệ đối với các tiêu chí số hóa hồ sơ, công khai, minh bạch, cung cấp dịch vụ công theo Quyết định 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia để phù hợp tình hình thực tiễn tại địa phương, đánh giá chính xác, hiệu quả hơn như: Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến, tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến có phát sinh hồ sơ, tỷ lệ hồ sơ TTHC theo hình thức nộp hồ sơ trực tuyến...

- Kiến nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường sớm ban hành các văn bản, các giải pháp hướng dẫn cụ thể cho tỉnh An Giang thực hiện nhiệm vụ làm sạch dữ liệu đất đai và nhiệm vụ Rà soát toàn bộ các hệ thống bản đồ hành chính quốc gia.

- Nâng cấp Hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh cho phép tải lên các tập tin hồ sơ thủ tục hành chính có dung lượng lớn.

Trên đây là báo cáo Kết quả triển khai nhiệm vụ chuyên đổi số năm 2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường./.

Nơi nhận:

- Sở TT&TT(bc);
- BGĐ Sở TN&MT;
- Lưu : VT, TTCNTT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trương Kiến Thọ

PHỤ LỤC 01
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ NĂM 2024

STT	Mục tiêu	Chỉ tiêu năm 2024	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện	Đánh giá kết quả (Đạt/Chưa đạt)	Ghi chú
1	Phát triển Chính quyền số						
1.1	Dịch vụ công (đủ điều kiện) cung cấp trực tuyến toàn trình	100%	Văn phòng UBND tỉnh	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố	25 thủ tục đủ điều kiện cung cấp trực tuyến toàn trình.	Đạt	
1.2	Thông tin người dân được tự động nhập vào biểu mẫu trực tuyến	50%	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố	Doanh nghiệp và người dân được tự động nhập vào biểu mẫu trực tuyến	Đạt	
1.3	Hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý	40%	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	Chưa có Hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý	Chưa đạt	Chưa có nền tảng hỗ trợ

STT	Mục tiêu	Chỉ tiêu năm 2024	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện	Đánh giá kết quả (Đạt/Chưa đạt)	Ghi chú
1.4	Chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh (LRIS); đồng thời được kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu số trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ	70%	Văn phòng UBND tỉnh	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố	Tổng số báo cáo định kỳ được gửi, nhận trên Hệ thống báo cáo LRIS: 3 Tổng số báo cáo định kỳ của cơ quan, đơn vị: 4	Đạt	
1.5	Văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước (trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật) dưới dạng điện tử	100%	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	Các văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước (trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật) dưới dạng điện tử	Đạt	
1.6	Lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức được bồi dưỡng tập huấn kỹ năng số để sử dụng thành thạo các ứng dụng công nghệ thông tin đáp	90%	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố	100% cán bộ, công chức, viên chức có kỹ năng sử dụng thành thạo các ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng báo cáo công việc.	Đạt	

STT	Mục tiêu	Chỉ tiêu năm 2024	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện	Đánh giá kết quả (Đạt/Chưa đạt)	Ghi chú
	ứng báo cáo công việc.						
1.7	Cơ quan nhà nước tham gia mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số	90%	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố	Có tham gia mở dữ liệu và cung cấp dữ liệu mở phục vụ phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số	Đạt	
1.8	Người dân, doanh nghiệp hài lòng với các dịch vụ số của Chính quyền số tỉnh An Giang cung cấp; Nâng cao hiệu quả phục vụ người dân, doanh nghiệp góp phần tạo sự đồng thuận cao nhất trong nhân dân	70%	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	Người dân, doanh nghiệp hài lòng với các dịch vụ số của Chính quyền số tỉnh An Giang cung cấp	Đạt	
1.9	Người dân và doanh nghiệp tham gia hệ thống thông tin Chính phủ điện tử được xác thực định danh điện tử thông suốt và hợp nhất trên tất cả	30%	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố	Người dân và doanh nghiệp tham gia hệ thống thông tin Chính phủ điện tử được xác thực định danh điện tử thông suốt	Đạt	

STT	Mục tiêu	Chỉ tiêu năm 2024	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện	Đánh giá kết quả (Đạt/Chưa đạt)	Ghi chú
	các hệ thống thông tin của các cấp chính quyền từ trung ương đến địa phương						
1.10	Hồ sơ giải quyết trực tuyến	50%	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	Tổng số hồ sơ tiếp nhận của các DVC toàn trình, một phần: 882 Tổng số hồ sơ trực tuyến một phần: 776 Tổng số hồ sơ trực tuyến toàn trình: 45 Đạt tỷ lệ 93%	Đạt	
1.11	Dịch vụ công trực tuyến sử dụng dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp	50%	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố	Đã đồng bộ trên cổng dịch vụ công quốc gia	Đạt	
1.12	Hồ sơ công việc tại cơ quan nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm	- Cấp tỉnh: 90%. - Cấp	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	Hồ sơ công việc tại đơn vị được xử lý trên môi trường mạng (không bao gồm hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).	Đạt	

STT	Mục tiêu	Chỉ tiêu năm 2024	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện	Đánh giá kết quả (Đạt/Chưa đạt)	Ghi chú
	hồ sơ xử lý công việc có nội dung mật).	huyện: 80%. - Cấp xã: 65%.					
1.13	Cơ quan nhà nước các cấp hoàn thiện chính quyền điện tử	90%	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Tài nguyên và Môi trường đang từng bước hoàn thiện chính quyền điện tử	Đạt	
1.14	Hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được luân chuyển trong nội bộ giữa các cơ quan có thẩm quyền giải quyết, hoặc các cơ quan có liên quan được thực hiện bằng phương thức điện tử	Tối thiểu 80% trở lên	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	Hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được luân chuyển trong nội bộ giữa các cơ quan có thẩm quyền giải quyết, hoặc các cơ quan có liên quan được thực hiện bằng phương thức điện tử trên phần mềm nội bộ	Đạt	
1.15	Người dân, doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính không phải	80%	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND	Sở Thông tin và Truyền thông	Người dân, doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính không phải cung cấp lại các	Đạt	

STT	Mục tiêu	Chỉ tiêu năm 2024	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả thực hiện	Đánh giá kết quả (Đạt/Chưa đạt)	Ghi chú
	cung cấp lại các thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được cơ quan chấp nhận khi thực hiện thành công thủ tục hành chính (trước đó), mà cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính đang quản lý hoặc thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được cơ quan nhà nước kết nối, chia sẻ		huyện, thị xã, thành phố		thông tin, giấy tờ, tài liệu đã được cơ quan chấp nhận khi thực hiện thành công thủ tục hành chính (trước đó)		
1.16	Hồ sơ được số hóa, ký số và lưu trữ điện tử đối với hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được giải quyết thành công	100%	Sở, ban, ngành tỉnh; UBND huyện, thị xã, thành phố	Sở Thông tin và Truyền thông	- 139 hồ sơ được số hóa trên tổng số 495 - Đạt 28%	Chưa đạt	

PHỤ LỤC 02
Báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch Chuyển đổi số của Sở Tài nguyên và Môi trường năm 2024

STT	Nhiệm vụ, dự án	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian triển khai	Kết quả	Ghi chú
1.	Quản trị mạng, đảm bảo an toàn an ninh thông tin, sao lưu dữ liệu ngành; Cập nhật quy định về bảo đảm an toàn, an ninh thông tin mạng ngành TNMT.	TTCNTT	Các phòng, đơn vị	Năm 2024	Hoàn thành	Thực hiện thường xuyên
2.	Triển khai phương án bảo đảm an toàn thông tin của Hồ sơ cấp độ theo Thông tư 12/2022/TT-BTTTT ngày 12/8/2022 của hệ thống thông tin tại Sở (hệ thống thông tin cấp độ 2 theo Quyết định số 01/QĐ-STTTT ngày 10/01/2024 của Sở Thông tin và Truyền thông).	TTCNTT	Các phòng, đơn vị	Quý II	Hoàn thành	Đã rà hồ sơ cấp độ 2 đã được phê duyệt theo Quyết định số 01/QĐ-STTTT ngày 10/01/2024
3.	Trang bị chương trình diệt virus tại Sở và các đơn vị trực thuộc.	TTCNTT	Các phòng, đơn vị	Quý II	Hoàn thành	Đã trang bị chương trình antivirus có bản quyền tại phòng máy chủ Sở và có văn bản gửi các phòng đơn vị yêu cầu trang bị phần mềm antivirus có bản quyền.
4.	Quản lý và vận hành Trang thông tin điện tử Sở Tài nguyên và Môi trường và công bố công khai theo Quyết định số 2590/QĐ-UBND của UBND tỉnh.	TTCNTT	Các phòng, đơn vị	Năm 2024	Hoàn thành	Thực hiện thường xuyên

STT	Nhiệm vụ, dự án	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian triển khai	Kết quả	Ghi chú
5.	Duy trì và phát triển các kênh tương tác với người dân/doanh nghiệp: Trang hỗ trợ doanh nghiệp, trang Fanpage Sở Tài nguyên và Môi trường An Giang thực hiện cung cấp thông tin đến người dân và doanh nghiệp.	TTCNTT	Các phòng, đơn vị	Năm 2024	Hoàn thành	Thực hiện thường xuyên
6.	Quản trị hệ thống cơ sở dữ liệu về thủ tục hành chính và quản trị hệ thống phản ánh kiến nghị trên cổng dịch vụ công quốc gia.	TTCNTT	Các phòng, đơn vị	Năm 2024	Hoàn thành	Thực hiện thường xuyên
7.	Tiếp nhận ý kiến phản ánh kiến nghị của người dân trên hệ thống tiếp nhận và xử lý phản ánh kiến nghị tỉnh An Giang (IOC).	Các phòng, đơn vị	TTCNTT	Năm 2024	Hoàn thành	Thực hiện thường xuyên
8.	Sử dụng hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh để vận hành TTHC lĩnh vực môi trường, khoáng sản và biến đổi khí hậu.	TTCNTT	CC. BVMT; CC. QLĐĐ; Phòng KSN&BĐKH;	Năm 2024	Hoàn thành	Thực hiện thường xuyên
9.	Vận hành thủ tục hành chính một cấp của tổ chức, cá nhân trên phần mềm VBDLIS.	VPĐKĐĐ	TTCNTT	Năm 2024	Ngưng thực hiện	
10.	Quản lý và vận hành trang thông tin đất đai và mua bán bất động sản.	TTCNTT	Các phòng, đơn vị	Năm 2024	Hoàn thành	Thực hiện thường xuyên
11.	Quản trị phần mềm VNPT-iOffice.	TTCNTT	Các phòng, đơn vị	Năm 2024	Hoàn thành	Thực hiện thường xuyên
12.	Chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục	Các phòng,	TTCNTT	Năm 2024	Hoàn thành	Thực hiện thường xuyên

STT	Nhiệm vụ, dự án	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian triển khai	Kết quả	Ghi chú
	vụ sự chỉ đạo, điều hành trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh (LRIS).	đơn vị				
13.	Vận hành hệ thống cảnh báo sạt lở qua máy chủ ảo Smart Cloud.	KSN&BĐKH	Các phòng, đơn vị	Năm 2024	Không sử dụng	
14.	Rà soát, đăng ký, sử dụng chữ ký số trao đổi văn bản điện tử giữa các cơ quan theo Quyết định 443/QĐ-UBND ngày 4/3/2020 của UBND tỉnh.	Văn phòng Sở	Các phòng, đơn vị	Năm 2024	Hoàn thành	Thực hiện thường xuyên
15.	Quản lý hệ thống quan trắc môi trường tự động, liên tục tỉnh An Giang.	CC. BVMT; TTQT	Các phòng, đơn vị	Năm 2024	Hoàn thành	Thực hiện thường xuyên
16.	Thực hiện Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh An Giang.	Tổ công tác triển khai ĐA 06 Sở	Bộ phận giúp việc	Năm 2024	Hoàn thành	Thực hiện theo Kế hoạch
17.	Tham mưu UBND tỉnh phê duyệt và triển khai Phương án hệ thống giám sát khai thác, sử dụng tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh An Giang.	Phòng KSN&BĐKH	Các phòng, đơn vị	Năm 2024	Đang thực hiện theo tiến độ	

STT	Nhiệm vụ, dự án	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian triển khai	Kết quả	Ghi chú
18.	Lập và trình UBND tỉnh phê duyệt Đề cương nhiệm vụ - dự toán thực hiện Dự án xây dựng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia trên địa bàn tỉnh An Giang.	TTCNTT	Các phòng, đơn vị	Năm 2024	Đề xuất sang năm 2025	Hoàn thành Đề cương chưa được duyệt do chưa có kinh phí và không có đề xuất vào chương trình năm 2025
19.	Triển khai nhiệm vụ nâng cấp cổng thông tin điện tử Sở Tài nguyên và Môi trường theo Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ.	TTCNTT	Các phòng, đơn vị	Năm 2024	Đề xuất sang năm 2025	- Đã tham mưu Sở gửi Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang xin chủ trương nâng cấp Trang thông tin điện tử của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh An Giang (Tờ trình số 04/TTr-STNMT ngày 09/01/2024). - Tham mưu Sở gửi báo giá về Sở thông tin và Truyền thông dự toán kinh phí và thời gian thực hiện nâng cấp Trang thông tin điện tử Sở Tài nguyên và Môi trường: kinh phí thực hiện dự kiến 98.000.000đ, thời gian thực hiện nâng cấp năm 2025 (Công văn số 3747/STNMT-TTCNTT ngày 17/10/2024) .

STT	Nhiệm vụ, dự án	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian triển khai	Kết quả	Ghi chú
20.	Tổ chức thực hiện Kế hoạch lựa chọn phần mềm và hạ tầng kỹ thuật để đảm bảo vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn tỉnh (sau khi kết thúc dự án VILG).	TTCNTT	P.KHTC, VPĐKĐ	Năm 2024	Hoàn thành	- Đã tham mưu báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh về tình hình hoạt động của hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai và giải pháp thực hiện (văn bản số 2357/STNMT-TTCN ngày 11/7/2024).
21.	Thực hiện nhiệm vụ theo dõi, quản lý, hệ thống (Camera) giám sát khai thác cát sông.	TTCNTT	Phòng KSN&BĐKH; Thanh tra	Năm 2024	Hoàn thành theo tiến độ	Đã nghiệm thu gói thầu 01, đang thực hiện nghiệm thu gói thầu số 02
22.	Thực hiện thu thập, quản lý và khai thác dữ liệu tài nguyên và môi trường.	TTCNTT	Văn phòng; P.KHTC; VPĐKĐĐ	Năm 2024	Hoàn thành	Thực hiện thường xuyên
23.	Xây dựng phần mềm quản lý công việc theo Thông báo số 278/TB-STNMT ngày 22/01/2024.	Văn phòng Sở	TTCNTT	Năm 2024	Dừng thực hiện không có kinh phí	
24.	Xây dựng phần mềm theo dõi quản lý Hồ sơ giao, cho thuê đất.	CCQLĐĐ	TTCNTT	Quý IV	Không thực hiện	

STT	Nhiệm vụ, dự án	Đơn vị chủ trì	Đơn vị phối hợp	Thời gian triển khai	Kết quả	Ghi chú
25.	Dịch vụ công (đủ điều kiện) cung cấp trực tuyến toàn trình.	VPĐKĐĐ	Các phòng, đơn vị	Năm 2024	Hoàn thành	Thực hiện thường xuyên
26.	Văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước (trừ văn bản mật theo quy định của pháp luật) dưới dạng điện tử.	Các phòng, đơn vị		Năm 2024	Hoàn thành	Thực hiện thường xuyên
27.	Hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính được luân chuyển trong nội bộ giữa các cơ quan có thẩm quyền giải quyết, hoặc các cơ quan có liên quan được thực hiện bằng phương thức điện tử.	VPĐKĐĐ	Các phòng, đơn vị	Năm 2024	Hoàn thành	Thực hiện thường xuyên